

Bản án số 70/2025/DS-PT

Ngày 02 – 4 – 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02-4-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 197/2024/TLPT-DS ngày 19-11-2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2024/DS-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2024/QĐ-PT ngày 12-12-2024; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N**; địa chỉ: B - 203 Cách mạng tháng T, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T, chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP N; theo giấy uỷ quyền số 762/2023/UQ-AMC ngày 27-10-2023; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1963, địa chỉ: D - D A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.; có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH I; địa chỉ: K phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô B, sinh năm 1993; địa chỉ: F H, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; theo giấy uỷ quyền số 01/2024/GUQ-INDOCHINA ngày 04-01-2024; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Thu H1. Địa chỉ: Tổ C H, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Nguyễn Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N có người đại diện hợp pháp trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Ông Nguyễn Xuân H, có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP N, Chi nhánh Đ theo các HĐTD dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV ngày 21-9-2020 với số tiền vay 1.450.000.000 đồng. Thực hiện HĐTD trên, Ngân hàng N chi nhánh Đ đã giải ngân cho ông Nguyễn Xuân H 02 lần;

Lần 01 là ngày 22-9-2020 với số tiền vay/giải ngân là 876.451.776 đồng.

Lãi suất: 10.5%/năm (lãi suất thay đổi 03 tháng / lần).

Thời hạn vay: 20 năm (từ 22-9-2020 đến 22-9-2040).

Phương thức trả nợ: lãi trả hằng tháng vào ngày 22, gốc trả hằng tháng cũng ngày 22 nhưng bắt đầu từ năm 2021.

Lần 02 là ngày 10-3-2022 với số tiền vay/giải ngân là 557.742.037 đồng

Lãi suất: 12.6%/năm (lãi suất thay đổi 03 tháng / lần)

Thời hạn vay: bắt đầu từ ngày 10-3-2022 đến ngày 22-9-2037

Phương thức trả nợ gốc và lãi: nợ gốc và lãi được phân kỳ trả nợ mỗi tháng 01 lần vào ngày 22 của tháng.

Việc giải ngân lần 01 được thực hiện theo giấy nhận nợ số 01/GNN-0870/2020/408-CV ngày 22-9-2020.

Việc giải ngân lần 02 được thực hiện theo giấy nhận nợ số 02/GNN-0870/2020/408-CV ngày 10-3-2022.

Ngoài các khoản vay trên, ông Nguyễn Xuân H còn ký đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay số 0973/2022/408-CV với số hạn mức là 108.000.000 đồng. Sau khi ký đề nghị cấp thẻ, ngày 20-8-2022 Ngân hàng đã cấp cho ông Nguyễn Xuân H 02 thẻ tín dụng với các nội dung như sau:

Thẻ số 533147xxxxxx4185 với tài khoản 640808948690001 với lãi suất là: 30%/năm. Thẻ số 970428xxxxxx4973 với tài khoản 340808948690002 với lãi suất là: 36%/năm. Tổng hạn mức của hai khoản thẻ là 108.000.000 đồng

Tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho việc thanh toán nợ đối với các khoản vay trên, ông Nguyễn Xuân H đã dùng toàn bộ các quyền và lợi ích của ông được hưởng từ Hợp đồng mua bán căn hộ số M266/HĐMB-CH ngày 30-8-2019 đã được ông H ký kết với Công ty TNHH I, mô tả căn hộ như sau: Căn hộ thuộc dự án Malibu H. Số căn hộ: M-02.66 tại tầng 2 thuộc khu C, tọa lạc tại khối phố H, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Diện tích xây dựng: 47.7m². Việc thế chấp quyền tài sản như trên được thực hiện theo HĐTC số 0160/2020/408-BĐ ngày 21-9-2020 có xác nhận của bên thứ ba là Công ty TNHH I và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Tp Đà Nẵng.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Xuân H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông H trả nợ, nhưng ông vẫn không thực hiện.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết với Ngân hàng TMCP N của ông Nguyễn Xuân H đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP N. Chính vì những lý do trên, Ngân hàng TMCP N kính đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

- Tuyên buộc ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và tiền chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký, tổng số tiền đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669đ, trong đó nợ gốc là 1.288.795.909đ, nợ lãi trong hạn 349.923.705đ, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi 80.053.055đ.

- Tuyên buộc trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Nguyễn Xuân H vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ và Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Xuân H vẫn không trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký, thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền và lợi ích của ông được hưởng từ Hợp đồng mua bán căn hộ số M266/HĐMB-CH ngày 30-8-2019 đã được ông H ký kết với Công ty TNHH I, mô tả căn hộ như sau: Căn hộ thuộc dự án Malibu H. Số căn hộ: M-02.66 tại tầng 2 thuộc khu C, tọa lạc tại khối phố H, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Diện tích xây dựng: 47.7m² để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật.

** Bị đơn - ông Nguyễn Xuân H trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Tôi xác nhận lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quan hệ tín dụng giữa hai bên là đúng còn số tiền nợ theo con số đưa ra của Ngân hàng là số tiền tạm tính đến ngày 04.9.2024 là: nợ gốc 1.342.290.414đ; nợ lãi 459.937.442đ, tổng cộng 1.802.227.856đ, ngân hàng có trách nhiệm tính toán số tiền nợ theo quy định.

Tôi đề nghị Ngân hàng miễn số tiền lãi phạt và lãi quá hạn cho tôi, phần tiền gốc quá hạn và tiền thế tôi sẽ trả một lần, số tiền gốc chưa quá hạn cho tôi trả theo phân kỳ thỏa thuận trong các hợp đồng.

Đồng thời tôi có đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Thứ nhất: Đề nghị TAND quận Thanh Khê tuyên Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 vô hiệu, vì:

- Tôi vay tiền của Ngân hàng N là để thanh toán dần số tiền mua căn hộ số M266/HĐMB-CH, ngày 30-8-2019 và Hợp đồng hợp tác cho thuê số

M266/HĐHTCT-CH ngày 30-8-2019, theo Văn bản thỏa thuận số M266/BVTT-CH, ngày 30-6-2021, giữa tôi và Công ty TNHH I.

Trong Văn bản thỏa thuận chỉ một mình tôi đứng tên bên mua, không có thêm bất kỳ tên người nào khác. Tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020, cũng chỉ có tôi là người duy nhất đứng tên bên vay. Nhưng không hiểu vì sao trong Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Ngân hàng N - Công ty TNHH I – và tôi, Nguyễn Xuân H, lập ngày 21-5-2020, do bên cho vay tiền là ngân hàng N tự soạn thảo lại có tên bà Đặng Thị Thu H1, địa chỉ cư trú tại Tổ C phường H, quận H, Đà Nẵng. Từ đó, trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và Thông báo thụ lý của Tòa án có tên bà Đặng Thị Thu H1. Tôi không biết bà Đặng Thị Thu H1 là ai; không có bà Đặng Thị Thu H1 nào cùng ký với tôi với tư cách là bên mua trong Biên bản thỏa thuận ba bên, không số, ngày 21-9-2020. Người có tên là Đặng Thị Thu H1 cũng không cùng tôi mua căn hộ, trong Thỏa thuận mua căn hộ không có tên bà Đặng Thị Thu H1.

Vậy, Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 giữa tôi và Ngân hàng N do chính ngân hàng S, tôi ký cùng một lúc rất nhiều văn bản, nhiều trang, vì tin tưởng nên không để ý, mà thực chất không có ai cùng tôi ký Hợp đồng tín dụng này, nên Hợp đồng có sự gian dối, trái pháp luật, nên tôi đề nghị tuyên vô hiệu.

Thứ hai: Yêu cầu người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do TAND quận Thanh Khê thụ lý số: 354/2023/TLST-DS, ngày 30-11-2023 là Công ty TNHH I thực hiện nghĩa vụ thanh toán lợi nhuận cho tôi để tôi bảo đảm thanh toán nghĩa vụ Hợp đồng tín dụng, theo Theo Văn bản thỏa thuận số M266/VBTT-CH ngày 30-6-2019 và số M266/VBTT-CH ngày 17-8-2023; số tiền mà Công ty TNHH I thay tôi thanh toán cho Ngân hàng N để tôi khấu trừ nợ tín dụng là: $2.521.437.785đ \times 8\%/12 \text{ tháng} \times 8 \text{ tháng} = 134.476.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi phát sinh.

Vì từ ngày 01-01-2024 đến nay là 8 tháng bên bán căn hộ đồng thời cũng là bên hợp tác cho thuê căn hộ để lấy tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ cho tôi theo Hợp đồng hợp tác cho thuê số M266/HĐHTCT-CH ngày 30-8-2019, do đó, tôi không đủ khả năng thanh toán nợ tín dụng cho ngân hàng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH I trình bày:*

Trước đây Công ty TNHH I bán cho ông Nguyễn Xuân H 01 căn hộ thuộc dự án M Hội an sau đó công ty thuê lại căn hộ này để kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng thuê, Công ty đã thanh toán tiền thuê căn hộ cho ông H đến 31.12.2023, số tiền còn lại chưa đến hạn thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty chưa thanh toán. Công ty không đồng ý theo yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Xuân H.

**** Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2024/DS-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

1. Căn cứ vào Điều 299, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào điểm b, c, d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với ông Nguyễn Xuân H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm tính đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669 đồng, trong đó nợ gốc là 1.288.795.909 đồng, nợ lãi trong hạn 349.923.705 đồng, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi 80.053.055 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 29-9-2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ trên theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay số 0973/2022/408-CV ngày 10-8-2022.

3. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Xuân H về việc đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 vô hiệu.

4. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Xuân H về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản đối với Công ty TNHH I.

5. Xử lý tài sản thế chấp: Nếu ông Nguyễn Xuân H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp là Căn hộ thuộc dự án Malibu H. Số căn hộ: M-02.66 tại tầng 2 thuộc khu C, tọa lạc tại khối phố H, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Diện tích xây dựng: 47.7m² sẽ bị xử lý theo điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các bên đương sự phải chịu như sau:

- Ông Nguyễn Xuân H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- H2 lại cho Ngân hàng TMCP N tiền tạm ứng án phí là 31.069.537 đồng đã nộp theo biên lai thu số 1058 ngày 29-11-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Xuân H phải trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

*** Đơn kháng cáo:**

Ngày 11-10-2024, ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông về việc đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV ngày 21-9-2020 vô hiệu và đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản đối với Công ty

TNHH I là không đúng pháp luật vì chủ đầu tư chưa làm việc với ông; quy trình xét xử sơ thẩm chưa đảm bảo do mới hoà giải có một lần nên ông chưa thương lượng được với Ngân hàng TMCP N; xét xử trong khi ông đang khiếu nại; bản án xử ông phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669 đồng nhưng đến ngày 06-12-2024 ông và Ngân hàng có biên bản xác nhận công nợ với số tiền là 1.638.665.614 đồng. Ông H không có đề nghị gì đối với Toà án cấp phúc thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H và giữ nguyên bản án sơ thẩm do không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty TNHH I có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Đặng Thị Thu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kháng cáo - ông Nguyễn Xuân H giữ nguyên các lý do kháng cáo đã nêu tại Đơn kháng cáo nộp ngày 11-10-2024 và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H:

[2.1] Ngân hàng N có cho ông Nguyễn Xuân H vay số tiền 1.450.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV ngày 21-9-2020 và cấp cho ông Nguyễn Xuân H 02 thẻ tín dụng tổng hạn mức của hai khoản thẻ là 108.000.000 đồng theo Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay số 0973/2022/408-CV ngày 20-8-2022.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân và cấp hạn mức thẻ tín dụng đầy đủ; ông Nguyễn Xuân H đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như cam kết nên Ngân hàng đã khởi kiện. Toà án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669 đồng, trong đó nợ gốc là 1.288.795.909 đồng, nợ lãi trong hạn 349.923.705 đồng, lãi quá hạn và

phạt chậm trả lãi 80.053.055 đồng là đúng pháp luật, do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Xuân H xác nhận đã thanh toán xong cho Ngân hàng TMCP N và được Ngân hàng giảm số tiền 80.053.055 đồng. Vì vậy, việc ông H kháng cáo cho rằng bản án xử ông phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669 đồng nhưng đến ngày 06-12-2024, ông H và Ngân hàng có biên bản xác nhận công nợ với số tiền là 1.638.665.614 đồng là phù hợp, do đây là số tiền sau khi trừ ra 80.053.055 đồng ông được Ngân hàng giảm bớt. Tòa án cấp sơ thẩm không có sai sót gì.

[2.2] Về nội dung ông Nguyễn Xuân H cho rằng quy trình xét xử sơ thẩm chưa đảm bảo do mới hoà giải có một lần nên ông chưa thương lượng được với Ngân hàng TMCP N.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy thủ tục tố tụng thể hiện tại hồ sơ là có nhiều lần Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hoà giải nhưng mỗi lần lại có một bên đương sự vắng mặt chứ không phải hoà giải một lần như ông H kháng cáo. Đồng thời, hiện tại ông H đã thanh toán xong nên nội dung kháng cáo này cũng không còn ý nghĩa thực tế.

[2.3] Về nội dung ông Nguyễn Xuân H kháng cáo vì Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt ông trong khi ông đang khiếu nại.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19-9-2024 thì ông H khiếu nại nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã trả lời đơn khiếu nại của ông H vào ngày 20-9-2024. Sau đó, ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại với nội dung giống như đơn khiếu nại lần đầu chứ không phải khiếu nại đối với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chánh án Tòa án nhân dân quận Thanh Khê nên không được xem là khiếu nại lần hai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử lần hai vào ngày 28-9-2024 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về nội dung ông Nguyễn Xuân H kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông về việc đề nghị tuyên Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV ngày 21-9-2020 vô hiệu và đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập tranh chấp hợp đồng thuê tài sản đối với Công ty TNHH I là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ hai, ông H vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của mình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông H là phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc chưa tuyên về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Xuân H có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập đó theo quy định của pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này vào bản án.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các nội dung ông Nguyễn Xuân H kháng cáo là không có căn cứ để được chấp nhận; Toà án cấp sơ thẩm không có vi phạm tố tụng gì để huỷ bản án như yêu cầu kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Xuân H phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 3 Điều 289, Điều 293, điểm b Khoản 1 Điều 299, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 299, 322, 463, 466 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2024/DS-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với ông Nguyễn Xuân H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm tính đến ngày 28-9-2024 là 1.718.718.669 đồng, trong đó nợ gốc là 1.288.795.909 đồng, nợ lãi trong hạn 349.923.705 đồng, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi 80.053.055 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 29-9-2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ trên theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay số 0973/2022/408-CV ngày 10-8-2022.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Xuân H về việc đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0870/2020/408-CV, ngày 21-9-2020 vô hiệu.

3. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Xuân H về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản đối với Công ty TNHH I.

Ông Nguyễn Xuân H có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý tài sản thế chấp: Nếu ông Nguyễn Xuân H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp là Căn hộ thuộc dự án Malibu H. Số căn hộ: M-02.66 tại tầng 2 thuộc khu C, tọa lạc tại khối phố H, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Diện tích xây dựng: 47.7m² sẽ bị xử lý theo điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các bên đương sự phải chịu như sau:

- Ông Nguyễn Xuân H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- H2 lại cho Ngân hàng TMCP N tiền tạm ứng án phí là 31.069.537 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001058 ngày 29-11-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Xuân H phải trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí. H2 lại cho ông H tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005861 ngày 17-10-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q . Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q . Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai